

PHỤ LỤC
TỔNG HỢP CÁC VƯỚNG MẮC, BẤT CẬP

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Bất cập, vướng mắc	Kiến nghị, đề xuất	Lý do đề xuất
1. Những quy định của BLTTDS không phù hợp với thực tiễn (bao gồm cả việc chưa có quy định so với thực tiễn phát sinh), không khả thi			
	Không phát sinh		
2. Những quy định của BLTTDS còn chưa cụ thể, chưa rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, chưa có văn bản hướng dẫn thi hành			
1	Đối với các quy định chung của tổ tụng dân sự, một số quy định liên quan đến việc gửi văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát, thực hiện quyền yêu cầu của Viện kiểm sát, thu thập và đánh giá chứng cứ điện tử, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ còn chưa đầy đủ, chưa có cơ chế bảo đảm thực hiện hiệu quả trên thực tế.	+ Về chính sách hoàn thiện quy định về thu thập, giao nộp và đánh giá chứng cứ (đặc biệt là chứng cứ điện tử): hoàn thiện quy định của BLTTDS theo hướng bổ sung cơ chế pháp lý đầy đủ đối với chứng cứ điện tử, bảo đảm phù hợp với Luật Giao dịch điện tử được sửa đổi, bổ sung bởi các Luật An ninh mạng, Luật Chuyển đổi số, Luật Dữ liệu và yêu cầu chuyển đổi số trong hoạt động tư pháp. Theo đó, cần quy định cụ thể về trình tự, phương thức thu thập, giao nộp, tiếp cận, kiểm tra và đánh giá chứng cứ điện tử; xác định rõ tiêu chí về tính xác thực, tính toàn vẹn và nguồn gốc của dữ liệu điện tử trong tố tụng dân sự. Đồng thời, bổ sung quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc cung cấp, lưu trữ và bảo đảm tính nguyên vẹn của dữ liệu điện tử khi được yêu cầu; cũng như cơ chế trưng cầu, giám định đối với chứng cứ điện tử trong trường hợp cần thiết.	
2	Đối với thủ tục giải quyết vụ án dân sự tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, một số quy định liên quan đến việc hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; việc triệu tập đương sự; xác định tư cách tham gia tố tụng; thời hạn gửi các quyết định tố tụng cho Viện kiểm sát còn phát sinh những cách hiểu và áp dụng khác nhau		
3	Về vị trí, vai trò của Viện kiểm sát nhân dân; nhiệm vụ, quyền hạn của Viện trưởng, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên trong tố tụng	+ Về chính sách hoàn thiện cơ chế thực hiện quyền yêu cầu của VKSND trong tố tụng dân sự: Bổ sung cơ chế xử lý đối với trường	

	dân sự, các quy định hiện hành đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng để Viện kiểm sát thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự. Tuy nhiên, một số quy định liên quan đến quyền yêu cầu của Viện kiểm sát, trách nhiệm thực hiện yêu cầu của Viện kiểm sát, thời hạn cung cấp hồ sơ, tài liệu, chứng cứ và cơ chế xử lý trường hợp không thực hiện yêu cầu của Viện kiểm sát vẫn chưa được quy định đầy đủ, ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả thực hiện chức năng kiểm sát.	hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, không đúng thời hạn yêu cầu của VKSND, theo hướng bảo đảm tính ràng buộc trong thực thi trách nhiệm phối hợp tố tụng, góp phần nâng cao hiệu lực của hoạt động kiểm sát. + Về chính sách hoàn thiện quy định về thủ tục tố tụng liên quan đến thụ lý, trả lại đơn khởi kiện và vắng mặt đương sự: Quy định cụ thể thời hạn gửi thông báo trả lại đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo cho VKSND cùng cấp và các chủ thể có liên quan, nhằm bảo đảm tính kịp thời trong kiểm sát việc trả lại đơn khởi kiện. Đồng thời, cần thống nhất cách xác định “triệu tập hợp lệ lần thứ nhất” và “lần thứ hai” trong trường hợp vụ án có nhiều đương sự tham gia tố tụng, đặc biệt đối với tình huống các đương sự vắng mặt không đồng thời hoặc vắng mặt ở các thời điểm khác nhau, bảo đảm cách hiểu và áp dụng thống nhất trong thực tiễn xét xử. Việc hoàn thiện các quy định nêu trên xuất phát từ thực tiễn áp dụng còn có sự lúng túng, chưa thống nhất giữa các Tòa án, dẫn đến việc kéo dài thời gian giải quyết vụ án trong một số trường hợp và ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự cũng như hiệu quả công tác kiểm sát việc giải quyết vụ án dân sự. Việc sửa đổi, bổ sung sẽ góp phần khắc phục tình trạng áp dụng không thống nhất pháp luật, rút ngắn thời gian giải quyết vụ án, nâng cao hiệu quả hoạt động xét xử và bảo đảm tốt hơn quyền tranh tụng của đương sự.	
4	Khoản 2 Điều 102 BLTTDS quy định Thẩm phán có quyền trưng cầu giám định theo yêu cầu của đương sự hoặc khi xét thấy cần thiết. Tuy nhiên, Bộ luật chưa làm rõ tiêu chí xác định “trường hợp xét thấy cần thiết”, dẫn đến việc áp dụng có thể không thống nhất trong thực tiễn.		
5	Khoản 2 Điều 192 BLTTDS quy định khi trả lại đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo, Thẩm phán phải có văn bản nêu rõ lý do trả lại đơn và gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp. Tuy nhiên, điều luật không quy định thời hạn gửi văn bản trả lại đơn khởi kiện cho Viện kiểm sát. Do đó, chưa có cơ sở pháp lý để xác định thời điểm Tòa án phải hoàn thành việc gửi văn bản này, ảnh hưởng đến việc kiểm sát kịp thời tính có căn cứ của việc trả lại đơn khởi kiện và việc thực hiện quyền kiến nghị của Viện kiểm sát theo quy định của pháp luật.	Việc sửa đổi, bổ sung sẽ góp phần khắc phục tình trạng áp dụng không thống nhất pháp luật, rút ngắn thời gian giải quyết vụ án, nâng cao hiệu quả hoạt động xét xử và bảo đảm tốt hơn quyền tranh tụng của đương sự.	
6	Điều 211 BLTTDS quy định về biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, BLTTDS chưa quy định cụ thể trường hợp Tòa án đã triệu tập	Trên cơ sở đó, kiến nghị sửa đổi, bổ sung Điều 192 và Điều 227 BLTTDS theo hướng quy định rõ thời hạn thực hiện và cách xác định	

	hợp lệ các đương sự nhưng một hoặc một số đương sự vắng mặt nên không tiến hành được việc hòa giải thì có phải lập biên bản không hòa giải được hay không. Việc chưa có quy định cụ thể dẫn đến thực tiễn áp dụng chưa thống nhất.	lần triệu tập hợp lệ, bảo đảm tính khả thi, minh bạch và thống nhất trong áp dụng pháp luật. + Về chính sách hoàn thiện cơ chế giải quyết vụ án có yếu tố phá sản: đề xuất hoàn thiện quy định của BLTTDS theo hướng làm rõ cơ chế giải quyết vụ án dân sự khi một bên đương sự là doanh nghiệp, hợp tác xã bị mở thủ tục phá sản, bảo đảm thống nhất với Luật Phục hồi, phá sản, đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật tố tụng. Theo đó, cần quy định cụ thể việc xác định trường hợp tạm đình chỉ hoặc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự khi Tòa án đã ra quyết định mở thủ tục phá sản; đồng thời làm rõ cơ chế xử lý đối với quyền, nghĩa vụ về tài sản của đương sự trong mối quan hệ giữa thủ tục tố tụng dân sự và thủ tục phá sản, bảo đảm việc chuyển giao, tập trung giải quyết nghĩa vụ tài sản được thực hiện thống nhất theo quy định của pháp luật phá sản.	
7	Điều 94 và Điều 95 BLTTDS đã ghi nhận dữ liệu điện tử là nguồn chứng cứ và quy định việc xác định chứng cứ là dữ liệu điện tử theo pháp luật về giao dịch điện tử. Tuy nhiên, BLTTDS chưa có quy định cụ thể về trình tự, phương thức kiểm tra, xác minh tính toàn vẹn, tính xác thực của dữ liệu điện tử trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, dẫn đến khó khăn nhất định trong thực tiễn áp dụng.	Sửa đổi, bổ sung Điều 217 BLTTDS theo hướng quy định rõ cơ chế xử lý chuyển tiếp giữa tố tụng dân sự và thủ tục phá sản, bảo đảm tính khả thi và thống nhất trong thực tiễn áp dụng.	
8	Về quyền yêu cầu của Viện kiểm sát tại các Điều 58, 97 và 106 BLTTDS quy định Viện kiểm sát có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp hồ sơ, tài liệu, chứng cứ hoặc thực hiện một số hoạt động tố tụng nhằm bảo đảm việc giải quyết vụ, việc dân sự đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, BLTTDS chưa quy định cụ thể và thống nhất về cơ chế thực hiện quyền yêu cầu của Viện kiểm sát như: Thời hạn thực hiện yêu cầu, trách nhiệm phản hồi đối với yêu cầu của Viện kiểm sát, cũng như hậu quả pháp lý hoặc cơ chế xử lý trong trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ yêu cầu ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ, việc dân sự.		
9	Điểm d khoản 1 Điều 217 BLTTDS quy định Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án trong trường hợp đã có quyết định mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã là một bên đương sự		

	trong vụ án mà việc giải quyết có liên quan đến nghĩa vụ, tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã đó. Trong một số trường hợp, khi vụ án đang trong giai đoạn giải quyết thì doanh nghiệp chỉ mới bị mở thủ tục phá sản, chưa xác định được kết quả cuối cùng của quá trình phá sản, dẫn đến việc đình chỉ vụ án có thể làm kéo dài thời gian bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự nếu sau này vụ việc được tiếp tục giải quyết theo hướng khác. Do đó, đề nghị nghiên cứu, hướng dẫn cụ thể hơn về cơ chế phối hợp và xử lý hậu quả tố tụng trong trường hợp này để bảo đảm thống nhất áp dụng pháp luật giữa BLTTDS và Luật Phục hồi, phá sản.	
10	Điều 186 BLTTDS quy định cá nhân có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp khởi kiện vụ án dân sự. Đồng thời, điểm a khoản 2 Điều 189 BLTTDS quy định đơn khởi kiện phải có chữ ký hoặc điểm chỉ của người khởi kiện. Tuy nhiên, quy định chưa làm rõ trường hợp người đại diện theo ủy quyền có được ký đơn khởi kiện thay cho người khởi kiện hay không, dẫn đến việc áp dụng trong thực tiễn chưa thống nhất giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, ảnh hưởng đến tính thống nhất trong việc thụ lý và giải quyết vụ án dân sự. Do đó, cần có hướng dẫn thống nhất để bảo đảm áp dụng pháp luật được chính xác, đồng bộ trong thực tiễn	
11	Điều 227 BLTTDS quy định về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa và hậu quả pháp lý trong trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất hoặc lần thứ hai khi đã được triệu tập hợp	

	lệ. Tuy nhiên, trong thực tiễn giải quyết các vụ án có nhiều đương sự tham gia tố tụng, việc áp dụng quy định này còn có cách hiểu và áp dụng chưa thống nhất, đặc biệt trong việc xác định trường hợp “triệu tập hợp lệ lần thứ nhất” và “lần thứ hai” khi trong cùng một vụ án có đương sự vắng mặt ở các thời điểm khác nhau. Việc chưa có hướng dẫn cụ thể về cách xác định lần triệu tập hợp lệ trong trường hợp có nhiều đương sự dẫn đến một số cách áp dụng chưa thống nhất giữa các Tòa án, ảnh hưởng nhất định đến tiến độ giải quyết vụ án và việc bảo đảm quyền tham gia tố tụng của đương sự. Do đó, cần có hướng dẫn thống nhất để bảo đảm áp dụng pháp luật được chính xác, đồng bộ trong thực tiễn.		
12	Khoản 3 Điều 200 và khoản 2 Điều 201 BLTTDS, bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền đưa ra yêu cầu độc lập đối với nguyên đơn hoặc bị đơn. Việc thực hiện quyền phản tố và quyền yêu cầu độc lập phải được thực hiện trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng cho thấy việc xác định thời điểm mở phiên họp nêu trên trong một số trường hợp chưa thật sự thống nhất, do pháp luật không quy định cụ thể thời điểm cố định mà phụ thuộc vào quá trình chuẩn bị xét xử của Thẩm phán. Bên cạnh đó, việc thu thập, giao nộp chứng cứ vẫn có thể tiếp tục diễn ra trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 96 BLTTDS. Do đó, trong một số trường hợp phát sinh tình tiết, chứng cứ mới sau khi đã mở phiên họp, đương sự có thể gặp khó khăn trong việc thực hiện quyền phản tố hoặc yêu cầu độc		

	lập, nếu không chứng minh được lý do chính đáng theo quy định của pháp luật tổ tụng dân sự. Do đó, cần có hướng dẫn thống nhất về việc xác định thời điểm, điều kiện tiếp nhận yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập trong trường hợp phát sinh tình tiết mới, bảo đảm quyền tranh tụng của đương sự và tính thống nhất trong áp dụng pháp luật		
3. Những quy định của BLTTDS còn mâu thuẫn, không thống nhất, chồng chéo (giữa các quy định của BLTTDS với nhau; giữa quy định của BLTTDS với các quy định pháp luật khác, các hiệp định tương trợ tư pháp được ký kết giữa Việt Nam và các nước khác, các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên)			
	Không phát sinh		
4. Những quy định của BLTTDS chưa đảm bảo kỹ thuật trình bày			
	Không phát sinh		
5. Những vướng mắc, bất cập khác; nguyên nhân chủ quan, nguyên nhân khách quan của vướng mắc, bất cập			
1	Một số vụ việc liên quan đến nhiều cơ quan, nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước, việc xác định cơ quan chủ trì phối hợp, người đại diện tham gia tố tụng hoặc trách nhiệm cung cấp thông tin có thời điểm còn lúng túng.	Tăng cường ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật. Tổ chức tập huấn chuyên sâu đối với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.	
2	Quy định về thời hạn cung cấp tài liệu, chứng cứ trong một số trường hợp còn ngán so với thực tiễn quản lý nhà nước; Một số	Bổ sung các quy định về khai thác, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước phục vụ hoạt động tố tụng. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu chuyên ngành và cơ chế chia sẻ thông tin phục vụ hoạt động tố tụng. Ban hành	

	quy định về thu thập, đánh giá chứng cứ điện tử, dữ liệu số còn cần tiếp tục hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số	quy trình phối hợp liên ngành trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án	
3	Trình độ dân trí không đồng đều; một bộ phận người dân còn hạn chế về nhận thức pháp luật, việc tiếp cận và sử dụng các dịch vụ pháp lý chưa cao; Rào cản về ngôn ngữ, phong tục, tập quán và điều kiện địa lý ảnh hưởng đến việc tiếp cận thông tin pháp luật và thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự; Một số phong tục, tập quán truyền thống, hương ước, quy ước tại cộng đồng dân cư vẫn có tác động nhất định đến việc lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp của người dân; Nguồn lực dành cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn hạn chế; đội ngũ tuyên truyền viên, hòa giải viên ở cơ sở chưa đồng đều về năng lực, kỹ năng.	Bổ sung cơ chế hỗ trợ ngôn ngữ đối với đương sự là người dân tộc thiểu số không thông thạo tiếng Việt nhằm bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, góp phần bảo đảm nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật; Hoàn thiện các quy định về tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương thức điện tử. Nghiên cứu bổ sung các quy định về phối hợp cung cấp thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn và hỗ trợ người dân thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; - Nghiên cứu mở rộng phạm vi và nâng cao hiệu quả trợ giúp pháp lý đối với người dân tộc thiểu số. Ưu tiên hỗ trợ người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bảo đảm người dân được tiếp cận kịp thời các dịch vụ pháp lý và hỗ trợ thực hiện quyền tố tụng.	
4	Hệ thống văn bản pháp luật có liên quan đến tố tụng dân sự thường xuyên được sửa đổi, bổ sung, trong khi phạm vi điều chỉnh rộng, đòi hỏi công chức, viên chức phải thường xuyên cập nhật, nghiên cứu để bảo đảm áp dụng đúng quy định; Đội ngũ công chức làm công tác chuyên môn tại các cơ quan hành chính nhà nước ít có điều kiện tiếp cận thực tiễn giải quyết các vụ việc tố tụng dân sự nên kinh nghiệm thực tiễn còn hạn chế.	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự theo hướng đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành; tăng cường tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu về pháp luật tố tụng dân sự cho đội ngũ công chức, viên chức làm công tác pháp chế và tham mưu tại các cơ quan nhà nước; hoàn thiện các quy định liên quan đến chứng cứ điện tử, dữ liệu điện tử, hồ sơ điện tử và phiên tòa trực tuyến nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và cải cách tư pháp; ban hành các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật thống nhất, kịp thời giải đáp những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn thi hành; đầu tư	

		cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ hoạt động tổ tụng và cải cách tư pháp.	
5	Một số bản án, quyết định chưa xác định rõ quyền, nghĩa vụ của các bên, chưa mô tả đầy đủ đặc điểm tài sản, diện tích đất, ranh giới, vị trí tài sản, chưa quy định cụ thể phương thức thực hiện nghĩa vụ; đặc biệt là tranh chấp đất đai, thừa kế, hôn nhân và gia đình hoặc tài sản chung của hộ gia đình, bản án chưa xác định đầy đủ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hoặc chưa làm rõ phần quyền sở hữu của từng cá nhân dẫn đến khi tổ chức thi hành án, cơ quan thi hành án dân sự phải đề nghị Tòa án giải thích hoặc đính chính bản án, phát sinh khiếu nại, tranh chấp mới làm kéo dài thời gian giải quyết vụ việc.	Hoàn thiện quy định về bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án theo hướng rõ ràng, cụ thể hơn, bảo đảm tính khả thi trong tổ chức thi hành án dân sự, hạn chế tình trạng bản án khó thi hành hoặc phải giải thích nhiều lần; Tăng cường sự phối hợp giữa Tòa án và cơ quan thi hành án dân sự ngay từ giai đoạn giải quyết vụ án, đặc biệt trong việc xác minh, thu thập, đánh giá thông tin về tài sản, điều kiện thi hành án, nhằm bảo đảm bản án khi ban hành có thể thi hành được trên thực tế	